Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8485.90.90

Mã HS	8485.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy móc sử dụng công nghệ sản xuất bồi đắp / - Bộ phận: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 23:54:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84859090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14664
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14664
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14664
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14020
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13961
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13961
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13961
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13961
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13961
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13961
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14015
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14015
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14015

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14015
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14015
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14015
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14016
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14016
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14016
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14016
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14016
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14016
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14019
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13967
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13975
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13975
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13975
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13975
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13975
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13975
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14006
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14006
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14006
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14006
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14006
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14006
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14061
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14061
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14061

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14061
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14061
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14061
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14038
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14038
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14038
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14038
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14038
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14038
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14038
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14038
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14038
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14038
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14038
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14038
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14053
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14053
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14053
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14053
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14053
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14053
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14052
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14052
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14052
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14052
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14052

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14052
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14045
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14045
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14045
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14045
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14045
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14045
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14045
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14040
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14040
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14040
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14040
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14040
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14040
RCEP B	2022	2022	0	B!D14040
RCEP B	2023	2023	0	B!E14040
RCEP B	2024	2024	0	B!F14040
RCEP B	2025	2025	0	B!G14040
RCEP B	2026	2026	0	B!H14040
RCEP B	2027	2027	0	B!I14040
RCEP C	2022	2022	0	C!D14040
RCEP C	2023	2023	0	C!E14040
RCEP C	2024	2024	0	C!F14040
RCEP C	2025	2025	0	C!G14040
RCEP C	2026	2026	0	C!H14040
RCEP C	2027	2027	0	C!I14040

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D14039
RCEP D	2023	2023	0	D!E14039
RCEP D	2024	2024	0	D!F14039
RCEP D	2025	2025	0	D!G14039
RCEP D	2026	2026	0	D!H14039
RCEP D	2027	2027	0	D!I14039
RCEP E	2022	2022	0	E!D14043
RCEP E	2023	2023	0	E!E14043
RCEP E	2024	2024	0	E!F14043
RCEP E	2025	2025	0	E!G14043
RCEP E	2026	2026	0	E!H14043
RCEP E	2027	2027	0	E!I14043
RCEP F	2022	2022	0	F!D14040
RCEP F	2023	2023	0	F!E14040
RCEP F	2024	2024	0	F!F14040
RCEP F	2025	2025	0	F!G14040
RCEP F	2026	2026	0	F!H14040
RCEP F	2027	2027	0	F!I14040
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13043
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13043
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13043
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13043

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8485.90 có 2 dòng thuế; dòng 8485.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8485.90.10 Của phân nhóm 8485.20.00	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8485.90.90 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8485.90.90	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8485.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8485.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14664), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.